TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HSST
Ngày: 17/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Minh Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Thị Mai Hương**

Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Kim Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thanh Tâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/10/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Văn R**; Sinh năm: 1986; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Q (chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị E, Sinh năm: 1963; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Lê Hồng D**, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị hại:* **Hồ Văn T**, sinh năm 1953; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B2, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Lê Văn T2**, sinh năm 1953; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn R bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, Nguyễn Văn R đi bộ đến khu vực ấp B2, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp với mục đích tìm tài sản để sơ hở, không người trông coi lấy trộm.

Khi bị cáo R đi ngang qua lán trại trông giữ cá của ông Hồ Văn T thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future màu xanh, đen biển số 66F1- 282.84 dựng trước cửa trại, không người trông coi, chìa khóa còn cắm vào ổ khóa nên R nảy sinh ý định lấy trộm để làm phương tiện đi lại. R quan sát xung quanh thấy không có người nên lén lút đi vào lấy trộm xe dẫn ra đường, khởi động chạy tẩu thoát. Lúc này, ông Nguyễn Văn T1 là hàng xóm của ông T đi công việc ngang thấy R lấy xe chạy đi, ông T1 nghi ngờ R là người lấy trộm xe nên truy hô cho ông T biết, đồng thời cùng ông T truy đuổi. Khi R điều khiển xe vừa lấy trộm được đến khu vực cầu Miễu Trắng Tộc ấp Bình Mỹ B, xã B1, huyện Cao Lãnh thì va chạm vào xe mô tô biển số 66C1– 448.10 do ông Lê Văn T2 ngụ: ấp A, xã A1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp đang điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước làm cho cả hai xe cùng người ngã xuống đường, R bị người dân bắt giữ. Đồng thời trình báo Công an xã B1, huyện C đến lập biên bản phạm tội quả tang đối với hành vi trộm cắp tài sản của R. Sau đó, chuyển hồ sơ cùng tang vật cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C xử lý theo thẩm quyền. Riêng ông T2 chỉ bị xay xát nhẹ.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 45 ngày 17/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô biển số 66F1- 282.84, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xanh, đen đã qua sử dụng có giá 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Tại biên bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 122 ngày 21/6/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Nguyễn Văn R:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.71- ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, biển số 66C1- 448.10 của ông T2 sau khi va chạm xe với R chỉ bị hư hỏng nhẹ, ông T2 xin nhận lại xe và tự sửa chữa. Sau khi nhận lại tài sản, ông T2 không yêu cầu R bồi thường, đồng thời từ chối giám định tỷ lệ thương tích và không yêu cầu xử lý đối với R.

Đối với xe 01 xe mô tô biển số 66F1- 282.84, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xanh, đen. Cơ quan điều tra tiến hành trao trả cho Hồ Văn T. Sau khi nhận lại tài sản ông T đã sửa chữa lại xe những chỗ hư hỏng sau khi va chạm

giao thông với số tiền 2.000.000 đồng, Ông T yêu cầu R trả lại số tiền sửa xe trên và R đã đồng ý nhưng chưa có tiền bồi thường.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn R đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSHCL ngày 22/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn R về tội "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện C thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn R phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc Nguyễn Văn R bồi thường cho ông Hồ Văn T số tiền sửa chữa xe bị hư hỏng là 2.000.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo bà Lê Hồng D phát biểu:

Hành vi của bị cáo R, hoàn toàn phù hợp với lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị cáo R thành thật khai báo, ăn năn hối cải. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tới hoàn cảnh của bị cáo để được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo Nguyễn Văn R thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Tại phiên tòa bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn R đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 37/CT-VKSHCL ngày 22/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, Nguyễn Văn R đi bộ đến khu vực ấp B2, xã B1, huyện Cao Lãnh , tỉnh Đồng Tháp với mục đích tìm tài sản để sơ hở, không người trông coi lấy trộm.

Khi bị cáo R đi ngang qua lán trại trông giữ cá của ông Hồ Văn T thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future màu xanh, đen biển số 66F1- 282.84 dựng trước cửa trại, không người trông coi, chìa khóa còn cắm vào ổ khóa nên R nảy sinh ý định lấy trộm để làm phương tiện đi lại. Bị cáo R quan sát xung quanh thấy không có người nên lén lút đi vào lấy trộm xe dẫn ra đường, khởi động chạy tẩu thoát. Lúc này, ông Nguyễn Văn T1 là hàng xóm của ông T đi công việc ngang thấy R lấy xe chạy đi, ông T1 nghi ngờ R là người lấy trộm xe nên truy hô cho ông T biết, đồng thời cùng ông T truy đuổi. Khi R điều khiển xe vừa lấy trộm được đến khu vực cầu Miễu Trăng thuộc ấp B, xã B1, huyện C thì va chạm vào xe mô tô biển số 66C1– 448.10 do ông Lê Văn T2 ngụ: ấp A, xã A1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp đang điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước làm cho cả hai xe cùng người ngã xuống đường, R bị người dân bắt giữ. Đồng thời trình báo Công an xã B1, huyện C đến lập biên bản phạm tội quả tang đối với hành vi trộm cắp tài sản của R. Sau đó, chuyển hồ sơ cùng tang vật cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C xử lý theo thẩm quyền. Riêng ông T2 chỉ bị xay xát nhẹ.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 45 ngày 17/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô biển số 66F1-282.84, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xanh, đen đã qua sử dụng có giá 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn R đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có quy định:

"1/ Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tới tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo R là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. chẳng những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn R thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong lúc bị hạn chế nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc Nguyễn Văn R bồi thường cho ông Hồ Văn T số tiền sửa chữa xe bị hư hỏng là 2.000.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn R phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn R** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, i, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn R 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn R bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu) cho ông Hồ Văn T.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn R phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CA huyện Cao Lãnh;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Minh Tú